

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 10 và 10 tháng năm 2016

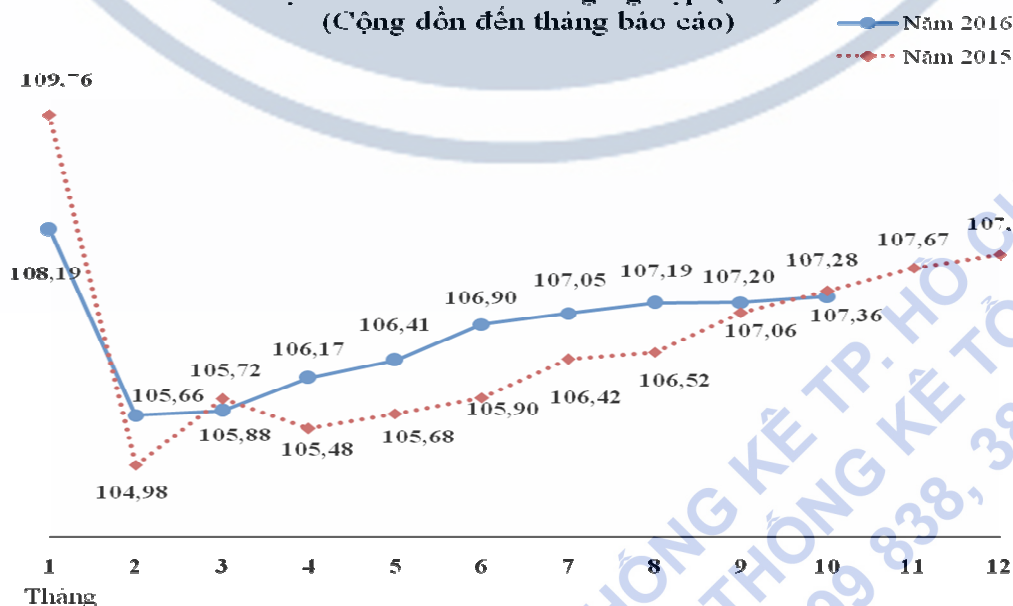
I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10 ước tính tăng 5,03% so tháng trước. Trong tháng này chỉ số sản xuất một số ngành tăng so với tháng trước: sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+19,38%); sản xuất da (+16,18%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+14,21%); sản xuất trang phục (+10,65%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+7,46%); hóa chất (+7,28%); sản phẩm điện tử (+6,87%); kim loại (+5,44%)... Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: dệt (-1,15%); sản xuất thuốc, hóa dược (-1,47%); sản xuất thiết bị điện (-11,21%)...

So với tháng 10/2015, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 8,98%.

Tính chung 10 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 7,28% so với cùng kỳ năm 2015.¹ Nhìn chung tình hình sản xuất công nghiệp của 10 tháng trên địa bàn Thành phố tiếp tục phát triển ổn định và có mức tăng tương đối khá. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,23% đóng góp 7,01 điểm phần trăm; sản xuất phân phối điện tăng 10,57% đóng góp 0,1 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối nước và xử lý nước thải tăng 14,15% đóng góp 0,27 điểm phần trăm; ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục giảm 38,23% làm giảm 0,1 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



¹ 10 tháng 2015 chỉ số IIP tăng 7,36%, 10 tháng 2014 chỉ số IIP tăng 6,75%.

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 10/2016 so với tháng 9/2016	10 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	105,03	107,28
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	100,90	61,77
2. Công nghiệp chế biến	105,09	107,23
3. SX và phân phối điện	96,19	110,57
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	106,82	114,15
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	100,55	109,78
2. Sản xuất đồ uống	103,31	112,28
3. Sản xuất trang phục	110,65	106,60
4. Sản xuất da và SP liên quan	116,18	95,54
5. SX hóa chất và SP hóa chất	107,28	105,15
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	119,38	102,37
7. SP. từ khoáng phi kim loại	107,77	121,58
8. Sản xuất SP điện tử	106,87	109,05
9. Sản xuất thiết bị điện	88,79	108,06
10. Sản xuất xe có động cơ	101,15	113,44

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 22/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó **một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất máy móc, thiết bị (+24,82%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+21,58%); sản xuất xe có động cơ (+13,44%); sản xuất đồ uống (+12,28%); sản xuất giấy (+11,98%)... **Một số ngành có mức tăng khá**: sản xuất sản phẩm điện tử (+9,05%); sản xuất thiết bị điện (+8,06%); sản xuất kim loại (+7,96%); trang phục (+6,6%); thuốc lá (+6,27%)... **Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm**: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+4,01%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+3,28%); sản xuất thuốc, hóa dược (-2,26%); sản xuất da (-4,46%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 10 tăng 3,61% so với tháng trước; tăng 8,93% so với tháng 10/2015. Tính chung 10 tháng tăng 7,3% so cùng kỳ. Trong đó: ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 11,26%; hóa dược tăng 1,45%; sản xuất hàng điện tử tăng 9,05% và ngành cơ khí chế tạo tăng 5,23%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9 tiếp tục tăng 1,61% so tháng trước và tăng mạnh 13,87% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm tăng 6,81% so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất đồ uống; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; sản xuất trang phục; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản xuất xe có động cơ... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp như: sản xuất thuốc lá; sản xuất da giày; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/10 tăng khá cao 101,41% so với cùng kỳ chủ yếu ở ngành sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống và sản xuất trang phục. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: dệt; sản xuất thuốc lá; sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn...

II. NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

Sản xuất vụ hè thu: Theo kết quả sơ bộ điều tra vụ hè thu, diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 10.639 ha, giảm 8,3% so với cùng kỳ. Trong đó, lúa ước đạt 6.392 ha, giảm 11,7%, nguyên nhân giảm vẫn do quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế cao, đồng thời một số diện tích lúa tại huyện Bình Chánh bị giải tỏa do việc thi công đoạn đường cao tốc Long Thành – Bến Lức.

Diện tích rau các loại ước đạt 2.474 ha, giảm 9,1% so với cùng kỳ; tuy nhiên, năng suất ước đạt 279,4 tạ/ha, tăng 4,8%, do đó sản lượng rau giảm nhẹ ở mức 4,8%.

Tình hình sản xuất vụ mùa: Lúa đã xuống giống 5.677 ha (huyện Củ Chi chiếm 50,5%, huyện Bình Chánh chiếm 34,8%), bằng 92,6% so với tiến độ gieo trồng cùng kỳ; riêng tại xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ đã có 22 ha lúa bị chết vì thiếu nước. Rau 2.617 ha, giảm 7,3%.

Tình hình sinh vật gây hại và công tác khuyến nông: Diện tích nhiễm sinh vật gây hại đều thấp hơn cùng kỳ, tỉ lệ nhiễm bệnh ở mức độ nhẹ. Trong đó, vụ hè thu: lúa nhiễm bệnh 328 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (494 ha), rau 482,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ 69,1 ha; Vụ mùa: lúa 998 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (1221 ha), rau 943 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (1.025,6 ha).

1.2. Chăn nuôi: Chi cục Thú y Thành phố tăng cường công tác kiểm tra dịch bệnh, rà soát tiêm phòng trên gia súc, gia cầm; đồng thời, tích cực phối hợp các đoàn liên ngành giám sát chặt chẽ việc vận chuyển, giết mổ và kinh doanh. Chính vì vậy, tình hình đàn gia súc, gia cầm ổn định, không phát hiện dịch bệnh tại các hộ chăn nuôi trên địa bàn.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 10 ước thực hiện 4.328,7 tấn, tăng 10,4% so tháng cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng 2.596,7 tấn, tăng 3,0%; khai thác 1.732 tấn, tăng 23,6% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng, sản lượng thủy sản ước đạt 40.681,7 tấn, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nuôi trồng ước đạt 26.233,3 tấn, giảm 4,6%; khai thác ước đạt 14.448,4 tấn tăng 2,4% so với cùng kỳ.

Dịch bệnh trên tôm: Tính từ đầu năm, có 137 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 85,3 ha. Có 36 hộ với 20,2 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

Tình hình thả nuôi tôm: Tính đến ngày 10/10 tại huyện Cần Giờ, đã có 538 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 126 triệu con giống trên diện tích 3.177 ha (trong đó 97,7% diện tích nuôi quảng canh cải tiến). Tôm thẻ chân trắng có 2.489 lượt hộ thả nuôi với 1.029 triệu con giống trên diện tích 2.471,5 ha.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn trên địa bàn 10 tháng ước thực hiện 229.535,9 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 10,7%; so với kế hoạch năm đạt 78,4% (10 tháng năm 2015 tăng 9,5%). Trong đó:

Vốn ngân sách thành phố 13.505,7 tỷ đồng, tăng 2,1% so với cùng kỳ và đạt 69,7% kế hoạch năm (10 tháng cùng kỳ tăng 4,9%). Cấp thành phố ước thực hiện 8.015 tỷ đồng, chiếm 59,3%, so với cùng kỳ tăng 4,6%; cấp quận huyện ước thực hiện 5.490,7 tỷ đồng, chiếm 40,7%, so với cùng kỳ bằng 96,8%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố

	Ước thực hiện 10 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2015
Tổng vốn đầu tư	13.505,7	69,7	102,1
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	1.032,0	72,4	182,3
Cấp thành phố	8.015,0	67,9	104,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	533,3	87,9	239,1
Cấp quận huyện	5.490,7	68,2	96,8
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	498,7	61,0	145,3

Tháng 10, đang triển khai đền bù giải tỏa một số dự án có vốn lớn như: Dự án mở rộng tỉnh lộ 10; cầu Lộc Phước huyện Nhà Bè; cầu Kênh Lộ, huyện Nhà Bè... và các dự án chống ngập, thoát nước. Nhìn chung 10 tháng Thành phố vẫn tập trung ưu tiên các dự án chuyển tiếp và dự án có vốn lớn, đặc biệt là các dự án chống ngập.

Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách thành phố :

- Dự án cầu vượt thép tại nút giao Ngã 6 Gò Vấp: Công tác giải phóng mặt bằng, tổng số 71 hộ cần giải tỏa, hiện ban bồi thường Quận Gò Vấp đang lập phương án bồi thường; Gói thầu xây dựng hạng mục chiếu sáng, hiện đã tạm dừng thi công từ ngày 6/8/2016 cho đến nay vì vướng mặt bằng; gói thầu nhánh cầu Nguyễn Oanh – Phạm Ngũ Lão, đang giải phóng mặt bằng.

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: Hiện đang được gấp rút xây dựng, khối lượng trên toàn tuyến như: các trụ móng, các trạm dừng và phân lắp ghép đường trên cao đạt trên 56%.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 30/9, toàn thành phố đã cấp 43.136 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 8.899,9 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 42.517 giấy phép, với diện tích 8.832,3 ngàn m² và 619 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 67,6 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 7,1% về giấy phép (+2.864 giấy phép) và tăng 10,4% về diện tích (+839,5 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/10, trên địa bàn thành phố đã có 654 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 794 triệu USD. Tăng vốn đầu tư 143 dự án, số vốn đạt 450,7 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký và điều chỉnh đến ngày 15/10 đạt 1.244,7 triệu USD (cùng kỳ 3.071,2 triệu USD).**

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 522 dự án, vốn đầu tư đạt 649,6 triệu USD; liên doanh 125 dự án, vốn đầu tư đạt 136,6 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 7 dự án, vốn đầu tư 7,9 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: hoạt động kinh doanh bất động sản đứng đầu với 20 dự án, vốn đầu tư đạt 326,1 triệu USD (chiếm 41,1%); thương nghiệp 264 dự án, vốn đầu tư 247,9 triệu USD (chiếm 31,2%); công nghiệp chế biến, chế tạo 33 dự án, vốn đầu tư 81,9 triệu USD (chiếm 10,3%); thông tin và truyền thông 94 dự án, vốn đầu tư 45,6 triệu USD (chiếm 5,7%); hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 121 dự án, vốn đầu tư 29,9 triệu USD (chiếm 3,8%); xây dựng 24 dự án, vốn đầu tư 17,2 triệu USD (chiếm 2,2%)...

Chia theo đối tác đầu tư: 41 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đăng ký đầu tư; trong đó, Đài Loan 18 dự án, vốn đầu tư 256,9 triệu USD (chiếm 32,4%); Nhật Bản 108 dự án, vốn đầu tư 129,9 triệu USD (chiếm 16,4%); Singapore 107 dự án, vốn đầu tư 106,2 triệu USD (chiếm 13,4%); British Virgin Islands 14 dự án, vốn đầu tư 72,5 triệu USD (chiếm 9,1%); Hàn Quốc 116 dự án, vốn đầu tư 55,2 triệu USD (chiếm 7%); Cayman Islands 4 dự án, vốn đầu tư 44,9 triệu USD (chiếm 5,7%); Hà Lan 9 dự án, vốn đầu tư 22,9 triệu USD (chiếm 2,9%); Thái Lan 15 dự án, vốn đầu tư 10,7 triệu USD; Trung Quốc 29 dự án, vốn đầu tư 10,1 triệu USD.

Giải thể, chuyển đi tỉnh thành và rút phép trước hạn có 82 dự án, vốn đăng ký 88,7 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)

Từ đầu năm đến 15/10, trên địa bàn thành phố có 29.287 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đăng ký thành lập 238.733 tỷ đồng, tăng 46%; bình quân một doanh nghiệp thành lập mới vốn đạt 8,15 tỷ, tăng 26,6% so với mức bình quân cùng kỳ năm trước.

Theo loại hình doanh nghiệp: 3.310 công ty cổ phần, tăng 24,2%; 25.439 công ty TNHH, tăng 16%; 533 doanh nghiệp tư nhân, giảm 32,8%.

Theo khu vực kinh tế: ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản 160 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 1.802 tỷ đồng, tăng 35,8% so với cùng kỳ. Công nghiệp 3.425 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 18.689 tỷ đồng, tăng 9% về số lượng và 59,1% về vốn. Xây dựng 2.957 doanh nghiệp, tăng 13%, vốn đăng ký đạt 30.253 tỷ, giảm 24,2%. Khu vực dịch vụ 22.745 doanh nghiệp, tăng 16,8% so cùng kỳ, vốn đăng ký đạt 187.990 tỷ, tăng 70,2%; trong đó, vốn đăng ký ở lĩnh vực kinh doanh bất động sản chiếm 51,1%, tăng xấp xỉ 3,5 lần so với cùng kỳ năm trước, thương nghiệp chiếm 23,5%, giảm 10,2%.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo số liệu từ Cục Thuế Thành phố, trong 9 tháng có 20.854 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, bằng 60,4% doanh nghiệp tăng trong kỳ (28.304 doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới, 6.236 doanh nghiệp tái hoạt động). Trong tổng số ngừng hoạt động có 80 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, 20.767 doanh nghiệp ngoài nhà nước.

IV. NỘI THƯƠNG

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính thức tháng 9/2016 tăng 1,28%, thấp hơn mức tăng các năm trước (các năm trước đều có mức tăng trên 2,3%).

Trong tháng 9, mặc dù có nhiều chương trình khuyến mãi đặc biệt là của các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài mới tham gia vào thị trường bán lẻ của thành phố, tuy nhiên sức mua đã không tăng như kỳ vọng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 ước đạt 56.569,4 tỷ đồng, giảm 1,13% so tháng trước, giảm ở tất cả các ngành hàng: thương mại giảm 0,3%, khách sạn nhà hàng giảm 4%, du lịch giảm 10,7%, dịch vụ giảm 1,8%. Do trong tháng 10 có nhiều đợt mưa lớn kết hợp với triều cường gây ngập nhiều nơi trong thành phố cũng đã ảnh hưởng đến sức mua của người dân.

Ước tính 10 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 575.924,5 tỷ đồng, tăng 9,3% so cùng kỳ, loại trừ yếu tố giá tăng 7,65%. (cùng kỳ năm trước chính thức tăng 9,85%)

Chia theo thành phần kinh tế:

- + Kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 7,1% trong tổng số, tăng 16,6%.
- + Kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng 13,2%, tăng 11,3%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 79,7%, tăng 8,4%.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 10 đạt 45.628 tỷ đồng, giảm 0,3% so tháng trước. Ước 10 tháng đầu năm đạt 459.195,7 tỷ đồng, chiếm 79,7% trong tổng mức, tăng 10,3%. Chia theo nhóm hàng:

- Lương thực thực phẩm chiếm 16,7% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa, tăng 2,5% so cùng kỳ.
- Hàng may mặc chiếm 6,5%, tăng 6,4%.
- Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 19,4%, tăng 13,8%;
- Phương tiện đi lại chiếm 6,3%, tăng 0,8%; riêng xe ô tô chiếm 1,9%, tăng 9,94%; mức tăng này không bằng năm trước do giá xe ô tô hiện nay có nhiều loại giá thấp.
- Xăng dầu chiếm 9,7%, tăng 17,05% do giá xăng dầu tăng.

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính doanh thu tháng 10 đạt 5.766 tỷ đồng, giảm 4% so tháng trước. Lượt khách lưu trú giảm 11,7% so tháng trước, ngày khách giảm 8,3%.

Ước 10 tháng đầu năm đạt 63.382,1 tỷ đồng, chiếm 11% trong tổng mức, tăng 5,4% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 5,3%; Dịch vụ ăn uống tăng 5,4%.

c. Du lịch: tháng 10 ước đạt 1.553,7 tỷ đồng, giảm 10,7% so tháng trước. Lượt khách du lịch giảm 22,6%, ngày khách giảm 19,6% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 15.871,3 tỷ đồng, chiếm 2,8% trong tổng mức, tăng 3% so cùng kỳ.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: Doanh thu tháng 10 ước đạt 3.621,6 tỷ đồng, giảm 1,8% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 37.475,3 tỷ đồng, chiếm 6,5% trong tổng mức, tăng 6,8% so cùng kỳ.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 10 đạt 3.272,8 triệu USD, tăng 2% so tháng trước. **Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 26.584,4 triệu USD, tăng 6,5% so cùng kỳ.**

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 10 tháng đầu năm ước đạt 24.445,3 triệu USD, tăng 12,2%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 10 đạt 2.645,9 triệu USD, tăng 1,4% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 23.996,8 triệu USD, tăng 6,8% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước đạt 21.857,6 triệu USD, tăng 13,2%.

Chia theo thành phần kinh tế:

- + Nhà nước chiếm tỷ trọng 12,97%, giảm 27,37% (giảm 1.172,9 triệu USD).
- + Có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 52,53%, tăng 19,16% (tăng 2.027,1 triệu USD).
- + Ngoài nhà nước chiếm 34,50%, tăng 8,73% (tăng 665 triệu USD).

Thị trường xuất khẩu chủ yếu các nước: đứng đầu là Mỹ với 4.472,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,6%; Trung Quốc chiếm vị trí thứ 2 với 4.228,3 triệu USD, chiếm 17,6%; kế đến là Nhật Bản 2.380 triệu USD, chiếm 9,9%, Hàn Quốc 1.193,6 triệu USD, chiếm 5%, Hồng Kông 1.113,7 triệu USD, chiếm 4,6%.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu: (không kể dầu thô):

- **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 4.271,5 triệu USD, tăng 8,3% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 19,54%. Hầu hết các mặt hàng đều có kim ngạch tăng so cùng kỳ (trừ gạo, sắn và các sản phẩm từ sắn). Trong đó:

+ Gạo đạt 784,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,6%, giảm 9,6% so cùng kỳ về giá trị và lượng giảm 47% về khối lượng. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (30,7%), Philippines (24,8%), Indonesia (15,9%), Ghana (8,2%)...

+ Cà phê đạt 702,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,2%, tăng 50,1% so cùng kỳ về giá trị và tăng gấp 2,9 lần về khối lượng. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Đức (21,8%), Mỹ (16,5%), Ý (6,8%)...

+ Hàng thủy hải sản đạt 572,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,6%, tăng 3,1% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của nhóm hàng này có: Nhật (chiếm tỷ trọng 22,6%, tăng 13,5%), Hàn Quốc (chiếm 10,5%, tăng 10,2%), Thái Lan (chiếm 8,3%, tăng 9,7%), Mỹ (chiếm 7,1%, giảm 8,8%), Philippines (chiếm 4,7%, tăng 60,9%), Trung Quốc (chiếm 4,5%, tăng 3,2 lần).

+ Hàng lâm sản đạt 432,8 triệu USD, tăng 16,9%, chiếm tỷ trọng 2%. Các thị trường lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Netherlands, Philippines đều tăng cao.

- **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 15.996,7 triệu USD, tăng 14,9% và chiếm tỷ trọng 73,2%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: ước xuất đạt 5.165,2 triệu USD, tăng 41,77% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 23,6%. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,4%; khu vực trong nước chiếm 0,6%.

+ Hàng may mặc ước đạt 4.626,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 21,2% tăng 4,92% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 44%; khu vực trong nước chiếm 56%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ chiếm 45,4%, Hàn Quốc 7,6% và Nhật 16,4%.

+ Hàng giày dép ước xuất 1.959,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 9%, giảm 3,62% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 82,8%; khu vực trong nước chiếm 17,2%. Thị trường chủ yếu là Mỹ chiếm 27,5%, Đức chiếm 11,4%, Nhật chiếm 7,1%, Trung Quốc chiếm 6,5% và Anh chiếm 5,5%.

- **Nhóm hàng hóa khác** đạt 1.589,4 triệu USD, tăng 10,1%, chiếm tỷ trọng 7,3%

- **Riêng dầu thô:** ước xuất đạt 6.567,4 ngàn tấn, giảm 12,5%; về trị giá đạt 2.139,2 triệu USD, giảm 32,6%, do giá bình quân giảm 23% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 10 đạt 3.232,5 triệu USD, tăng 5,6% so tháng trước. **Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 30.256,8 triệu USD, tăng 10,7% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 10 ước đạt 2.732,4 triệu USD, giảm 5,2% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 26.550,7 triệu USD, tăng 11,1% (+2.655,8 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 1.320,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5%, tăng 0,74%;

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11.075,3 triệu USD, chiếm 41,7%, tăng 19,31%;

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 14.155 triệu USD, chiếm 53,3%, tăng 6,42%.

Thị trường nhập khẩu chủ yếu các nước: đứng đầu là Trung Quốc với 5.908,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 22,3%; Singapore đứng vị trí thứ 2 với 2.297,8 triệu USD, chiếm 8,7%, kế đến là Mỹ 2.202,8 triệu USD, chiếm 8,3%; tiếp theo là Hàn Quốc 2.174,4 triệu USD, chiếm 8,2%, Nhật Bản và Thái Lan cùng chiếm tỷ trọng 6,3%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 10 tháng năm 2016:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

+ Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 373,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,4%, giảm 6,8%. Thị trường nhập chủ yếu là Singapore, New Zealand, Thái Lan và Ireland.

+ Nhiên liệu: về lượng ước nhập 889,4 ngàn tấn, tăng 3,8%, và kim ngạch đạt 435,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,63%, giảm 11,8% là do giá bình quân giảm 15%. Thị trường chính Singapore, Hàn Quốc, Malaysia.

+ Vải nhập 1.859,3 triệu USD, chiếm 7%, giảm 5,22%. Thị trường chủ yếu Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 610,9 triệu USD, chiếm 2,3%, giảm 13%. Các đối tác lớn như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật, Hồng Kông.

+ Dược phẩm đạt 1.070,5 triệu USD, chiếm 4%, tăng 7,52%. Nhập khẩu chủ yếu từ Pháp, Bỉ, Singapore, Đức, Ấn Độ.

+ Chất dẻo nguyên liệu đạt 1.404,5 triệu USD, chiếm 5,3%, tăng 12,3%.

+ Sắt thép đạt 1.261,9 triệu USD, chiếm 4,8%, tăng 5,26%. Thị trường chính là Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 10 ước đạt 7.537 tỷ đồng, tăng 3,3% so với tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 70.011,7 tỷ đồng, tăng 21,2% so cùng kỳ 2015.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 10 tháng đầu năm 2016

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2015	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	48.950,6	21.061,1	120,8	122,2
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	3.636,6	293,7	89,9	87,4
Kinh tế ngoài nhà nước	45.040,3	17.182,5	124,3	123,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	273,8	3.584,9	123,8	121,3
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	29.249,3	17.310,8	125,1	121,8
Đường sông	5.219,9	420,5	124,1	118,6
Đường biển	14.391,2		112,1	
Đường hàng không	90,2	3.329,8	103,4	124,6

- **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 10 ước đạt 5.632,1 tỷ đồng, tăng 5,2% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 48.950,6 tỷ đồng, tăng 20,8% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 92%, tăng 24,3%; kinh tế nhà nước chiếm 7,4%, giảm 10,1%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 59,8%, tăng 25,1%, đường biển chiếm tỷ trọng 29,4%, tăng 12,1%.

- **Vận tải hành khách:** doanh thu tháng 10 ước đạt 1.904,9 tỷ đồng, giảm 2% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 21.061,1 tỷ đồng, tăng 22,2% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 81,6%, tăng 23,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 17%, tăng 21,3%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 17.310,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 82,2%, tăng 21,8%; Đường hàng không chiếm 15,8%, tăng 24,6%.

VII. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 10 tháng ước thực hiện 249.596 tỷ đồng, đạt 83,67% dự toán, tăng 10,38% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 156.104 tỷ đồng, đạt 87,90% dự toán, tăng 18,78% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 11.492 tỷ đồng, đạt 63,14% dự toán, giảm 41,50% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 82.000 tỷ đồng, đạt 80,00% dự toán, tăng 9,25% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng thu cân đối ngân sách NN	298.300	249.596	83,67	110,38
I- Thu nội địa	177.600	156.104	87,90	118,78
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	32.820	25.944	79,05	105,62
2. Khu vực ngoài nhà nước	39.000	37.157	95,28	124,16
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	48.700	41.559	85,34	121,58
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	102.500	82.000	80,00	109,25
III- Thu từ dầu thô	18.200	11.492	63,14	58,50

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 16,62% tổng thu nội địa, tăng 5,62% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 14.249 tỷ đồng, đạt 70,65% dự toán, giảm 5,21% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 11.695 tỷ đồng, đạt 92,45% dự toán, tăng 22,70% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 37.157 tỷ đồng, tăng 24,16% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 41.559 tỷ đồng, tăng 21,58%. Thu khác 51.444 tỷ đồng, đạt 90,13% dự toán; trong đó thuế thu nhập cá nhân 20.619 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 10.070 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 10 tháng ước đạt 60.973 tỷ đồng, đạt 95,57% dự toán, tăng 15,02% so cùng kỳ năm 2015.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 10 tháng ước thực hiện 40.605 tỷ đồng, đạt 63,64% dự toán, tăng 2,40% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng chi (trừ tạm ứng)	63.801	40.605	63,64	102,40
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	26.547	18.083	68,12	106,58
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.973	3.886	97,80	89,47
II- Chi thường xuyên	34.630	22.274	64,32	104,92
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.901	3.051	62,25	131,10
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	9.185	6.297	68,55	102,64
Sự nghiệp y tế	2.672	1.928	72,15	74,11
Quản lý hành chính	5.133	3.880	75,58	103,75

Chi đầu tư phát triển 18.083 tỷ đồng, đạt 68,12% dự toán, tăng 6,58% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 22.274 tỷ đồng, đạt 64,32% dự toán, tăng 4,92% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 3.051 tỷ đồng, đạt 62,25% dự toán, tăng 31,10%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 6.297 tỷ đồng, đạt 68,55% dự toán, tăng 2,64%; chi sự nghiệp y tế 1.928 tỷ đồng, đạt 72,15% dự toán, giảm 25,89%; chi quản lý hành chính 3.880 tỷ đồng, đạt 75,58% dự toán.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn Thành phố đến đầu tháng 10 đạt 1.745,43 ngàn tỷ đồng, tăng 2,27% so tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,67%) và tăng 17,01% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 53,9% tổng vốn huy động, tăng 16% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 12,32%, giảm 10,08% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu và ngày càng lớn trong tổng nguồn vốn ở mức 87,68%, tăng 22,19% so tháng cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 52,91% tổng vốn huy động, tăng 15,81% so với tháng cùng kỳ. Đây là bộ phận tiền gửi tương đối ổn định cho thấy niềm tin vào hệ thống ngân hàng cùng với dịch vụ ngân hàng tiện ích là nguyên nhân chính thu hút bộ phận tiền gửi này.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đến đầu tháng 10 đạt 1.399,02 ngàn tỷ đồng, tăng 1,21% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,29%); so với tháng 12/2015 tăng 13,26%, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong những năm gần đây.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 769,58 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,01% tổng dư nợ, tăng 19,43% so tháng cùng kỳ. Dư nợ bằng ngoại tệ đạt 137,86 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,85% tổng dư nợ, giảm 7,56% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.261,16 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,15% tổng dư nợ, tăng 25,1% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 09 năm 2016, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 312 gồm 311 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, tăng 2 mã cổ phiếu so với cuối tháng 08 (ngày 01/09 mã cổ phiếu ROS của Công ty Cổ phần Xây dựng FAROS giao dịch ngày đầu tiên; ngày 29/09 mã cổ phiếu CHP của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung giao dịch ngày đầu tiên).

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.390.699,37 tỷ đồng, tăng 21,22% so với cuối năm 2015. Trong tháng 09/2016 có 21 phiên giao dịch, 11 phiên tăng điểm và 10 phiên giảm điểm. VN-Index có xu hướng giảm dần từ đầu đến giữa tháng và tăng mạnh về cuối tháng. Trong tháng 09, có 4 lần VN-Index thiết lập đỉnh mới vào các ngày 26, 27, 28, 29. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 685,73 điểm, tăng 1,65% (tương ứng tăng 11,10 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 18,43% (tương ứng tăng 106,70 điểm) so với cuối năm 2015.

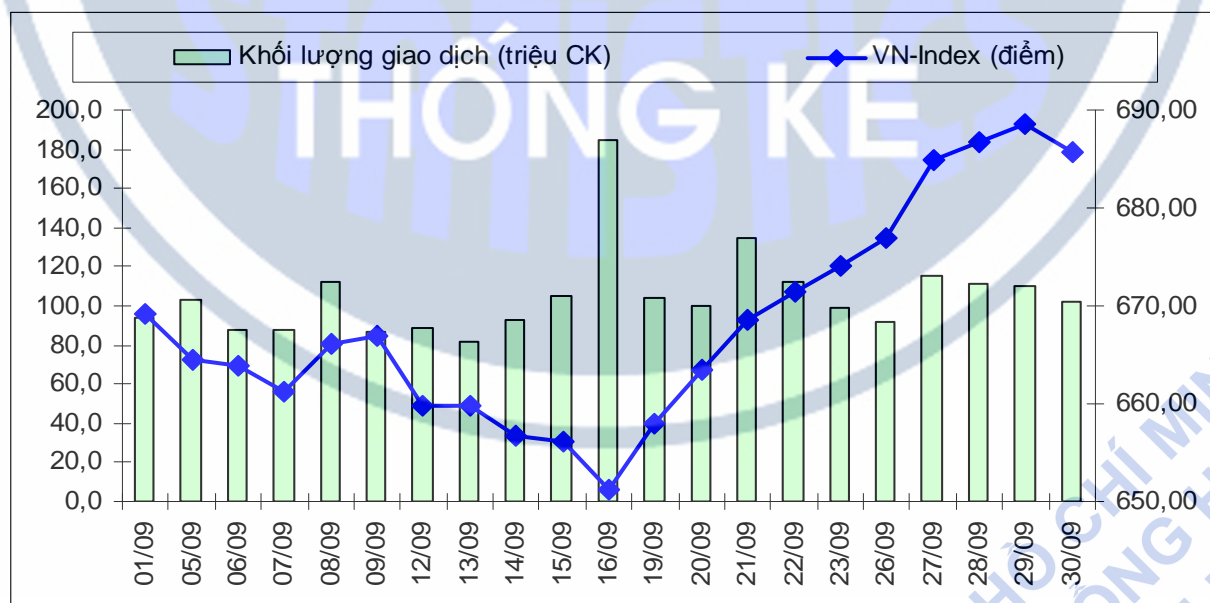
Khối lượng giao dịch của tháng 09/2016 đạt 2.621,61 triệu chứng khoán, giảm 3,26% so với tháng trước. Giá trị giao dịch của tháng đạt 61.942,20 tỷ đồng, tăng 9,31% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 124,84 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.949,63 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 5,95% và giá trị giao dịch tăng 19,72% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 09/2016, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 21/09 với 521,88 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 29/09 với 688,55 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 09/2016	9 tháng năm 2016	Tháng 09 so tháng 08	9 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.621,61	24.245,48	96,74	119,86
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.613,36	24.129,52	96,89	119,60
Trái phiếu	4,15	72,87	42,89	287,19
Chứng chỉ quỹ & ETF	4,10	43,09	136,67	155,28
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.215,59	21.421,60	90,44	116,55
Giao dịch thỏa thuận	406,02	2.823,88	156,03	152,80
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	61.942,20	454.582,99	109,31	130,86
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	61.483,02	446.699,56	110,50	129,62
Trái phiếu	415,61	7.452,13	41,62	297,04
Chứng chỉ quỹ & ETF	43,57	431,30	141,92	164,26
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	48.611,37	372.493,39	96,75	124,36
Giao dịch thỏa thuận	13.330,83	82.089,60	207,47	171,55

Đồ thị VN-Index tháng 09/2016 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 14/10/2016, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 314. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.401.109,31 tỷ đồng, tăng 22,12% so với cuối năm 2015; VN-Index đạt 687,00 điểm, tăng 107,97 điểm so với cuối năm 2015 (tương ứng tăng 18,65%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/8/2016 đến 15/9/2016)

- **Tội phạm kinh tế:** Trong tháng đã phát hiện 104 vụ vi phạm gồm: buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu (25 vụ); mua bán, vận chuyển hàng cấm (42 vụ);

kinh doanh hàng hóa không có hóa đơn chứng từ (19 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả (02 vụ); kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế (15 vụ); vụ án khác (01 vụ). Thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 5,1 tỷ đồng. Ra quyết định xử phạt hành chính 83 trường hợp thu khoảng 1,4 tỷ đồng.

Lĩnh vực môi trường: lập biên bản xử lý 19 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ra quyết định xử phạt hành chính 32 vụ, thu nộp ngân sách Nhà nước khoảng 3,1 tỷ đồng.

- **Tội phạm hình sự:** Đã xảy ra 445 vụ phạm pháp hình sự giảm 1,98% (-09 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 10 người, bị thương 53 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 16,8 tỷ đồng.

Tình hình phạm pháp hình sự kéo giảm, có 05 loại án được kéo giảm gồm: cướp tài sản 13 vụ (giảm 07 vụ); hiếp dâm 02 vụ (giảm 01 vụ); giao cấu trẻ em 02 vụ (giảm 04 vụ); trộm cắp tài sản 237 vụ (giảm 50 vụ) và án khác 15 vụ (giảm 01 vụ). Tuy nhiên, có 05 loại án tăng gồm: Giết người 09 vụ (tăng 04 vụ); cố ý gây thương tích 52 vụ (tăng 18 vụ); lừa đảo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 33 vụ (tăng 14 vụ); cưỡng đoạt tài sản 02 vụ (tăng 01 vụ); cướp giật 76 vụ (tăng 18 vụ) và có 01 loại án không tăng giảm là chống người thi hành công vụ xảy ra 04 vụ.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Ma túy:** Đã phát hiện 105 vụ, bắt 198 người vi phạm. Đã khởi tố 70 vụ với 100 người vi phạm; xử lý hành chính 35 vụ với 98 người vi phạm.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Phát hiện 06 vụ, 27 đối tượng tổ chức mua bán dâm, lập biên bản 115 cơ sở vi phạm kinh doanh không phép, quá giờ hoạt động, sử dụng tiếp viên không hợp đồng lao động,...

* **Cờ bạc, cá độ:** Điều tra, xử lý 10 vụ cờ bạc với 41 người tham gia, thu giữ khoảng 68 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- Trật tự an toàn giao thông

Trong tháng trên địa bàn thành phố xảy ra 363 vụ tai nạn giao thông đường bộ tăng 15,24% (+48 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 72 người, bị thương 312 người, trong đó xảy ra 79 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 6,76% (+05 vụ) so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng xảy ra 04 vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng.

Ngoài ra, có 01 vụ tai nạn giao thông đường thủy trên tuyến thủy nội địa, không gây thiệt hại về người.

Đã lập biên bản hành chính 48.678 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tước giấy phép lái xe 7.442 trường hợp, tạm giữ 6.501 xe các loại,... ra quyết định xử phạt 34.523 trường hợp, chuyên kho bạc nhà nước thu khoảng 20,06 tỷ đồng.

- Tình hình cháy, nổ

Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 21 vụ cháy, so với tháng trước không tăng không giảm, so với cùng kỳ năm trước giảm 44,74% (-17 vụ); không có người chết và bị thương, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 4 tỷ đồng (06 vụ chưa ước tính được

thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm quy định trong sử dụng hệ thống điện.

Trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào, so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước không tăng, không giảm.

2. Giải quyết việc làm

Trong tháng 10, hệ thống đơn vị dịch vụ việc làm, các thành phần kinh tế đã thu hút 23.153 lao động được giải quyết việc làm, giảm 4,82% so với tháng trước đó, số chỗ việc làm mới tạo ra là 13.827 chỗ làm, tăng 18,44% so với tháng trước.

Trong 10 tháng đầu năm 2016, số lượt lao động giải quyết việc làm là 267.512 lượt lao động đạt 99,08% so với kế hoạch, số chỗ việc làm mới tạo ra là 113.182 chỗ làm đạt 90,55% so với kế hoạch.

Bảo hiểm thất nghiệp:

Từ ngày 01/9 đến 31/9, trên địa bàn thành phố có 10.378 lao động đến Trung tâm dịch vụ việc làm thành phố nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, số người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 11.637 người, số người được tư vấn - giới thiệu việc làm là 10.481 người, số người được hỗ trợ học nghề là 1.395 người.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 10 và 10 tháng năm 2016.

STATISTICS
THỐNG KÊ

CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733